

ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN CƠ SỞ TƯƠNG TÁC CÁC CHỦ THỂ Ở CẤP ĐỘ CHI TIẾT

Phạm Thanh Vũ¹, Nguyễn Hiếu Trung¹, Lê Quang Trí², Vương Tuấn Huy¹, Phan Hoàng Vũ¹ và Tôn Thất Lộc³

¹Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

²Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu, Trường Đại học Cần Thơ

³Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Long

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 15/08/2016

Ngày nhận bài sửa: 04/05/2017

Ngày duyệt đăng: 26/06/2017

Title:

Agricultural land use planning based on stakeholder interaction at village level

Từ khóa:

Ấp Trà Hát, các chủ thể, đất nông nghiệp, mâu thuẫn trong sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất

Keywords:

Land Agriculture, Land use planning, Land use conflicts, Stakeholders, Tra Hat Hamlet

ABSTRACT

A feasible land-use planning was depending on consent of the local people who use this land and its stakeholders. It has the potential to solve land-use conflicts. The methods used for this study includes secondary and a primary data collection, scientific papers, households' interview, participatory rural appraisal (PRA) approach. The main purpose of the study was to compare the interaction between participatory land use planning of bottom-up approach (PLUP) with land evaluation FAO (1976, 2007) and the land use planning of top-down management. The results showed that there were some conflicts in objectives of land use by bottom-up and top-down approaches, but the interaction of stakeholders involved in the process could give possible solutions for reducing conflicts, which may lead to the trade-off of stakeholders in establishment of agricultural land use planning with high efficiency and possibility. Proposed land use planning responding to local conditions and also met the satisfaction of local people's demands with ecological requirement and objectives of local government development. The results of this study contribute to enhancing sustainable socio-economic development of Tra Hat hamlet.

TÓM TẮT

Một phương án quy hoạch sử dụng đất khả thi phụ thuộc rất nhiều vào sự đồng thuận của cộng đồng sống tại địa phương và các bên liên quan, qua đó giải quyết được mâu thuẫn trong quá trình sử dụng đất. Nghiên cứu được thực hiện nhằm gắn kết sự tham gia của các chủ thể vào hoạch định chiến lược sử dụng đất nông nghiệp để giải quyết những thách thức đang phải đối mặt về rủi ro của thị trường và biến đổi khí hậu (xâm nhập mặn và hạn), góp phần sử dụng đất hiệu quả và bền vững. Phương pháp được thực hiện dựa trên thu thập các dữ liệu, báo cáo kỹ thuật, điều tra nông hộ, đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng (PRA), và so sánh tương tác giữa các Quy hoạch sử dụng đất tiếp cận từ dưới lên (PLUP), đánh giá đất đai FAO (1976, 2007) và Quy hoạch phân bổ từ trên xuống của Nhà nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự mâu thuẫn trong định hướng sử dụng đất đai, nhưng sự tương tác của các chủ thể đã giúp tìm ra các giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, đi đến sự thỏa hiệp của các bên liên quan trong lập quy hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và khả thi cao; từ đó, đề xuất phương án sử dụng đất đai một cách hợp lý nhất đáp ứng điều kiện thực tế của địa phương, thỏa mãn các nhu cầu của cộng đồng, yêu cầu sinh thái và mục tiêu phát triển của địa phương. Kết quả nghiên cứu đã giúp nâng cao phát triển kinh tế - xã hội ấp Trà Hát bền vững.

Trích dẫn: Phạm Thanh Vũ, Nguyễn Hiếu Trung, Lê Quang Trí, Vương Tuấn Huy, Phan Hoàng Vũ và Tôn Thất Lộc, 2017. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp trên cơ sở tương tác các chủ thể ở cấp độ chi tiết. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 50b: 1-12.

1 GIỚI THIỆU

Áp Trà Hắt, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi là địa phương nằm trong vùng sinh thái nước ngọt còn lại của tỉnh Bạc Liêu (Vu *et al.*, 2015) với nguồn sinh kế chính chủ yếu dựa vào hệ thống canh tác cây trồng bao gồm lúa, rau màu và cây ăn trái quanh nhà. Tuy Trà Hắt là khu vực nằm bên trong Quản Lộ Phụng Hiệp thuộc vùng ngăn nước mặn nhưng sản xuất nông nghiệp hiện nay đang phải đối mặt với việc thiếu nước ngọt vào mùa khô. Trong mùa mưa, một số địa điểm thấp của vùng có thể bị ngập cục bộ (Trung *et al.*, 2015). Bên cạnh đó, sinh kế của người dân có thể bị ảnh hưởng bởi những biểu hiện của thời tiết cực đoan liên quan đến nước, nhiệt độ và biến động giá cả của sản phẩm. Trong tương lai những tác động có thể trở nên trầm trọng hơn do biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Trong bối cảnh Quy hoạch sử dụng đất hiện nay có sự sai khác lớn giữa chính sách và thực tế, giữa các mục tiêu dự định và kết quả thực tiễn. Điều này đã dẫn đến phương pháp quy hoạch truyền thống (phân bổ chỉ tiêu từ trên xuống, thiếu sự tham gia của cộng đồng) đã dần dần được thay thế bằng một mô hình mới là Quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia của cộng đồng, để đáp ứng nhu cầu tăng sự tham gia, cải thiện tích hợp quy mô, hài hòa hóa các kế hoạch chồng lấp, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan thực hiện và các bên liên quan (Bourgoin *et al.*, 2012). Vì vậy, nghiên cứu phương pháp quy hoạch sử dụng đất ở cấp thấp theo một phương pháp mới có kết hợp nhiều cách tiếp cận khác nhau, coi trọng vai trò tham gia của các bên liên quan và gắn kết sự tham gia tương tác của các chủ thể đóng góp vào định hướng sử dụng đất đai được thực hiện. Phương pháp này giúp đánh giá và đề xuất phương án sử dụng các tài nguyên một cách hợp lý nhất dựa vào điều kiện đặc trưng về tự nhiên, kinh tế - xã hội và mong muốn của con người ở địa phương. Kết quả tạo được sự đồng thuận của cộng đồng trong quá trình lập và triển khai quy hoạch sử dụng đất, nâng cao tính khả thi của phương án và mang lại hiệu quả sử dụng đất cao cho địa phương.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Cơ sở chọn vùng nghiên cứu: Trà Hắt nằm ở xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Theo kết quả của Dự án CLUES, mặc dù áp nằm trong khu vực dự án kiểm soát mặn Quản Lộ - Phụng Hiệp, nông nghiệp đang phải đối mặt với vấn đề thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn vào mùa khô, đặc biệt là ở dòng chảy thượng lưu như năm

1998. Vào mùa mưa, một số khu vực thấp của áp có thể bị ngập nước, đặc biệt là ở các dòng chảy nước thượng lưu (ví dụ 2000). Tình hình sẽ nghiêm trọng hơn trong tương lai dưới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng (Trung *et al.*, 2015). Theo nghiên cứu cơ bản tại Trà Hắt thu nhập của người dân dao động không chỉ vì điều kiện nước không thể đoán trước được, như xâm nhập mặn bề mặt và thay đổi mô hình lượng mưa mà còn giá sản xuất (vật tư, sản phẩm) không ổn định.

Phương pháp và số liệu thu thập: Bản đồ địa chính của áp Trà Hắt, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Vĩnh Lợi, báo cáo thống kê, kiểm kê đất đai năm 2015, báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 xã Châu Thới. Phương pháp PRA là công cụ chính được sử dụng trong nghiên cứu. Hai lượt PRA được thực hiện ở cấp chuyên gia và nông hộ (với các công cụ phỏng vấn nhóm KIP (Key Informants Panel) được dùng để phỏng vấn chuyên sâu các cá nhân có kiến thức chuyên môn, sự am hiểu và có kinh nghiệm, thảo luận nhóm với người dân sống ở địa phương) nhằm xác định xác định hệ thống sử dụng đất đánh giá quá khứ, hiện tại và tương lai (5 năm) của sự thay đổi về tự nhiên và kinh tế - xã hội. Phỏng vấn chuyên sâu nông hộ với 130 phiếu phân bổ theo các mô hình canh tác chính về điều kiện tự nhiên (đất, nước, khí hậu) và các yếu tố kinh tế - xã hội cho các mô hình sử dụng đất lúa 2 vụ, lúa 3 vụ, chuyên hoa màu và đặc biệt là khu đất vườn - thổ cư xung quanh nông hộ.

2.2 Phương pháp đánh giá thích nghi đất đai

Ứng dụng phương pháp đánh giá thích nghi đất đai định tính và định lượng theo quy trình của FAO (1976, 2007) cho điều kiện cụ thể chi tiết của áp Trà Hắt.

2.3 Phương pháp quy hoạch sử dụng đất đai có sự tham gia (PLUP)

Quá trình quy hoạch đất đai PLUP (Hoanh C.T *et al.*, 2015) dựa trên nền của phương pháp đánh giá đất đai, quy hoạch sử dụng đất đai (FAO, 1976; FAO, 1993) và phân tích hệ sinh thái nông nghiệp cộng đồng (CAEA, 2011) theo cách tiếp cận từ dưới lên (cấp áp, xã) bao gồm 5 bước: (i) Xây dựng mục tiêu và định hướng sử dụng đất; (ii) Lập bản đồ phân vùng sinh thái nông nghiệp; (iii) Xác định chất lượng đất đai của các đơn vị đất đai (LUs) cho mỗi vùng sinh thái; (iv) Xác định các kiểu sử dụng đất đai có triển vọng (LUTs) cho mỗi vùng sinh thái; (v) Xây dựng các lựa chọn các kiểu sử dụng đất và chọn lựa các kiểu sử dụng đất thích hợp, khả thi cho các đơn vị đất đai trong các vùng sinh thái.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Tình hình sử dụng đất nông nghiệp tại ấp Trà Hắt

3.1.1. Lịch sử thay đổi sử dụng đất

Trà Hắt là địa phương có truyền thống sản xuất lúa lâu đời (từ trước 1990) và ổn định của huyện

Vĩnh Lợi – Tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chuyển đổi mô hình canh tác ở địa phương phụ thuộc vào chính sách đầu tư công trình thủy lợi là thay đổi của điều kiện sản xuất (nhiễm mặn, hệ thống cấp thoát nước tại địa phương) và mong muốn tăng thu nhập, tăng hiệu quả kinh tế cho người dân (Bảng 1).

Bảng 1: Lịch sử thay đổi sử dụng đất

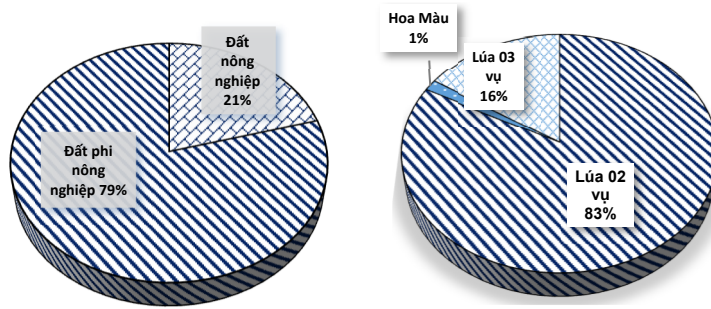
Thời gian	Mô hình sử dụng đất	Lý do chuyển đổi		
		Chính sách	Tự nhiên	Kinh tế
Trước 1990	1 Lúa		- Nước mặn	
			- Thiếu nước tưới	
1990	2 Lúa	- Đầu tư hệ thống cống ngăn mặn	- Vùng nước ngọt hóa	- Tăng sản lượng - Tăng thu nhập
	Chuyên Màu		- Vùng nước ngọt hóa	- Tăng sản lượng - Tăng thu nhập
1994	3 Lúa	- Hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh	- Nguồn nước tưới dồi dào	- Tăng thu nhập
	2 Lúa			
2015	3 Lúa	- Phục hồi giống Lúa	- Thiếu nước tưới	- Tăng hiệu quả kinh tế
	2 Lúa		- Dịch bệnh	

Tuy nhiên, khi tăng vụ cũng gặp không ít khó khăn về đất đai dễ bị nén dẽ và suy thoái cấu trúc, làm giảm khả năng khoáng hóa và cung cấp N hữu dụng (Nguyễn Minh Phương và ctv., 2009; Võ Thị Gương và ctv., 2012) do canh tác thâm canh, phải bón thêm nhiều phân bón để bổ sung chất dinh dưỡng cho đất. Điều này đã làm tăng chi phí sản xuất, không những làm tăng giá thành sản phẩm mà còn làm chất lượng của sản phẩm giảm xuống, hơn nữa đã tạo nhiều tác động tiêu cực đến môi trường đất và nước khi dư lượng phân bón và thuốc trừ sâu thấm vào môi trường ngày càng nhiều khi người dân tăng vụ sản xuất. Người dân không có ý định thay đổi mô hình sản xuất do ngại rủi ro từ các mô hình sản xuất mới. Năm 2015, các mô hình sử dụng đất không khác so với năm 1994, tuy nhiên số lượng nông hộ sản xuất mô hình lúa 03 vụ giảm mạnh để chuyển sang sản xuất lúa 2 vụ do thiếu nước tưới vào mùa khô, và sản xuất lúa 3 vụ có nguy cơ dịch bệnh (bị chuột cắn) nhiều hơn. Để tăng hiệu quả kinh tế sản xuất cho nông dân và tạo

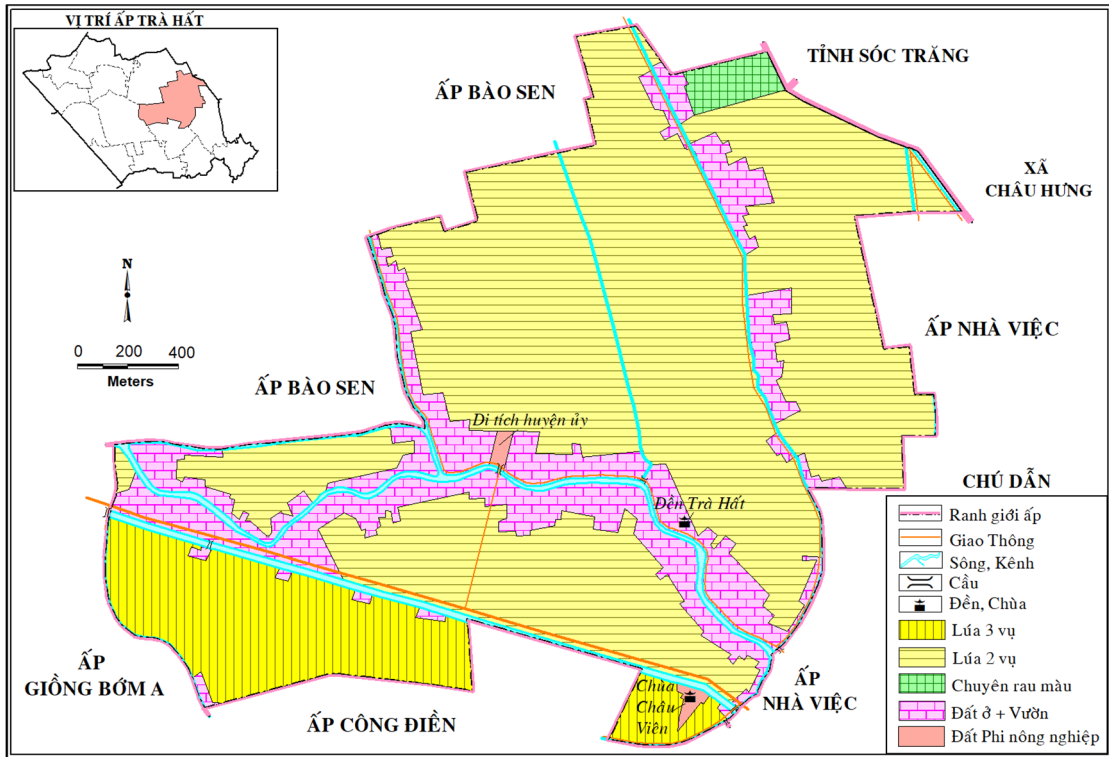
thương hiệu lúa cho vùng chính quyền địa phương có chủ trương phục hồi giống lúa Tài Nguyên (là giống lúa đặc sản có giá trị kinh tế cao). Từ đó, người dân chuyển sang sản xuất mô hình lúa 2 vụ. Hơn nữa, khi sản xuất lúa 2 vụ thì chi phí cho cải tạo đất và phân thuốc phòng trừ sâu bệnh giảm. Riêng mô hình chuyên màu do người dân tộc sản xuất nên không có thay đổi.

3.1.1 Hiện trạng sử dụng đất

Ở ấp Trà Hắt, nguồn sinh kế chính của người dân đến từ hoạt động sản xuất nông nghiệp với diện tích đất nông nghiệp là 425,18 ha chiếm 79% trong tổng số 523,6 ha diện tích đất tự nhiên. Trong đó, phần lớn diện tích đất là trồng lúa, với lúa 2 vụ chiếm diện tích lớn nhất 343,43 ha, kể đến là diện tích lúa 3 vụ chiếm 65,55 ha, còn lại một diện tích nhỏ trồng chuyên rau màu (Hình 1 và Hình 2). Ấp có 310 hộ, trong đó có 302 hộ sản xuất lúa (282 hộ sản xuất lúa 2 vụ, 20 hộ sản xuất lúa 3 vụ) chỉ có 08 hộ dân sản xuất màu.



Hình 1: Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất tại ấp Trà Hát năm 2015



Hình 2: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất tại ấp Trà Hát năm 2015

Các hoạt động sản xuất khác (nuôi cá, heo và trồng cây ăn trái) chiếm diện tích không đáng kể nằm rải rác ở các nông hộ. Những kiểu sử dụng này không được người dân quan tâm đầu tư vì người dân không có kỹ thuật canh tác, lao động, vốn và lo ngại rủi ro trong việc thay đổi mô hình canh tác.

Bảng 2: Hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng trên đất ở + vườn

Kiểu sử dụng	Cây ăn trái	Nuôi cá	Hoa màu	Heo
Tổng thu (Tr. đồng/1000m ² /năm)	2,14	29,12	31,67	5.322,08
Chi phí (Tr. đồng/1000m ² /năm)	1,60	14,05	16,38	4.106,62
Lợi nhuận (Tr. đồng/1000m ² /năm)	0,54	15,07	15,29	1.215,46
Hiệu quả đồng vốn (Hệ số B/C)	1,34	2,07	1,93	1,30
Lao động (Ngày công/1000m ² /năm)	21	126	69	4167

Vì vậy, các kiểu sử dụng này chưa được khai thác đúng mức để đem lại thu nhập cao (theo kết quả tính toán hiệu quả kinh tế của các mô hình sử dụng đất tại Bảng 2) cho người dân. Hơn nữa, hình thức sản xuất của người dân ở đây chủ yếu là chuyên canh mà không có hình thức xen canh và luân canh.

3.2 Định hướng sử dụng đất nông nghiệp của cộng đồng người dân ấp Trà Hắt

3.2.1 Chọn lọc các kiểu sử dụng đất ưu tiên

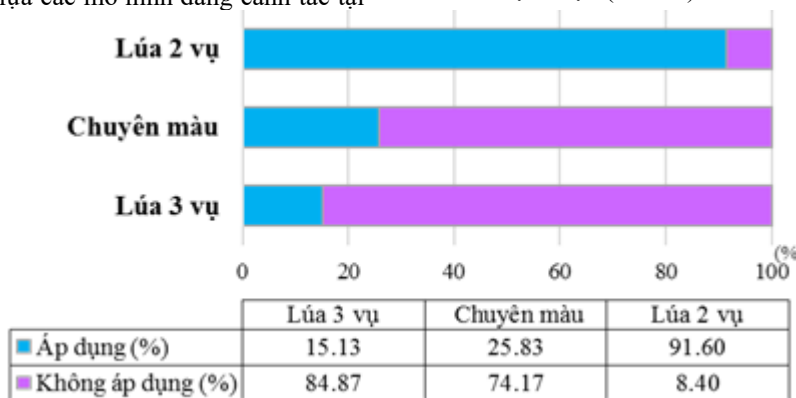
Thứ tự ưu tiên chọn lựa các mô hình sử dụng đất sản xuất theo nhu cầu và nguyện vọng của người dân được thực hiện bằng phương pháp ma trận so sánh cặp (Bảng 3).

Bảng 3: So sánh cặp lựa chọn kiểu sử dụng đất ưu tiên

Kiểu sử dụng	02 vụ lúa	03 vụ lúa	Rau màu
02 vụ lúa			
03 vụ lúa	02 vụ lúa		
Rau màu	02 vụ lúa	03 vụ lúa	
Xếp hạng	1	2	3

Kết quả Bảng 2 trình bày các mô hình được người dân lựa chọn sản xuất theo thứ tự ưu tiên nhất là lúa 2 vụ, kế đến là lúa 3 vụ và sau cùng là chuyên rau màu. Qua đó cũng cho thấy người dân chỉ đề xuất chọn lựa các mô hình đang canh tác tại

địa phương mà không đề xuất thêm các mô hình khác. Tuy nhiên, khi điều tra về khả năng áp dụng mô hình sản xuất của nông hộ trong tương lai thì kết quả thu được có khác so với mức độ xếp hạng ưu tiên lựa chọn (Hình 3).



Hình 3: Khả năng áp dụng các mô hình sử dụng đất nông nghiệp ấp Trà Hắt

(Nguồn: Số liệu điều tra, 2015)

Qua Hình 4 cho thấy khả năng áp dụng mô hình lúa 2 vụ là cao nhất (91,60%), trong khi đó khả năng áp dụng mô hình chuyên màu cao hơn lúa 3 vụ gấp 1,7 lần. Kết quả có khác biệt với chọn lọc ưu tiên, nguyên nhân là hiện nay sản xuất lúa 3 vụ thiếu nước tưới nghiêm trọng và thường xuyên bị chuột phá hoại làm ảnh hưởng đến năng suất lúa. Vì vậy, mô hình lúa 3 vụ không còn được người dân lựa chọn sản xuất.

3.2.2 Kết quả định hướng sử dụng đất của cộng đồng người dân ấp Trà Hắt đến năm 2020 trong điều kiện bình thường

Kết quả định hướng sử dụng đất với sự tham gia của cộng đồng được thực hiện bằng phương

pháp PLUP dựa trên nền đánh giá đất đai FAO (1976). Dựa vào yêu cầu sử dụng đất đai, người dân chọn lọc ra các kiểu sử dụng đất có triển vọng và đánh giá thích nghi đất đai cho các kiểu sử dụng theo kiến thức của người dân (thông qua hình thức cho điểm ở 4 mức khác nhau). Kết quả đánh giá thích nghi trong điều kiện hiện tại được thể hiện ở Bảng 4.

Qua kết quả đánh giá thích nghi đất đai các kiểu sử dụng có tiềm năng theo người dân, kiểu sử dụng 02 vụ lúa là kiểu sử dụng đất được chọn lựa thích nghi nhất đối với vùng và được phần lớn người dân lựa chọn để sản xuất, một số khu vực thích hợp cho trồng màu vẫn được đề xuất tiếp tục phát triển mô hình này và nguồn nước là một trong

những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến lựa chọn sản xuất của người dân. Điều này phù

hợp với định hướng sản xuất của địa phương trong bố trí lại sản xuất nông nghiệp của vùng.

Bảng 4: Tổng hợp thích nghi đất đai tại ấp Trà Hắt theo phương pháp PLUP

AEZ	Đặc tính đất đai			Hiện trạng sử dụng đất	Thích nghi đất đai			Lựa chọn
	Nước tưới	Ngập nước	Độ phì đất		LUT 1 02 vụ lúa	LUT 2 03 vụ lúa	LUT 3 Rau màu	
1a	Bị hạn chế vào mùa khô	Ngập 30 cm vào mùa mưa	Cao	03 vụ lúa	3	2	2	02 vụ lúa
1b	Bị hạn chế vào mùa khô	Ngập 30 cm vào mùa mưa	Cao	02 vụ lúa	2	2	0	02 vụ lúa
2	Bị hạn chế vào mùa khô	Không ngập	Trung bình	02 vụ lúa	3	1	2	02 vụ lúa
3	Đủ nước tưới (nước ngầm)	Không ngập	Trung bình	Rau màu	3	1	3	02 vụ lúa / rau màu

Ghi chú - Mức 0: Không thích nghi; Mức 1: Thích nghi kém; Mức 2: Thích nghi trung bình; Mức 3: Thích nghi cao

3.2.3 Tác động của các yếu tố cực đoan và kết quả định hướng sử dụng đất dưới biến đổi khí hậu

lợi cho sản xuất nông nghiệp như hạn hán, nhiệt độ tăng cao, mưa nhiều và bất thường, giông bão và gió lớn, xâm nhập mặn được dự báo.

Kết quả khảo sát cho thấy người dân đang lo ngại các yếu tố khí hậu cực đoan trực tiếp gây bất

Bảng 5: Đánh giá thích nghi đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu

AEZ	Đặc tính đất đai				Hiện trạng	Thích nghi đất đai			Lựa chọn
	Nước tưới	Ngập nước	Độ phì đất	Xâm nhập mặn		LUT1 Lúa 02 vụ	LUT 2 Lúa 03 vụ	LUT 3 Chuyên n màu	
1	Thiếu nước tưới	Ngập 30 cm	Cao	Cao	Lúa 3 vụ	0	0	0	Lúa 2 vụ (ngắn ngày)
2	Thiếu nước tưới	Ngập 30 cm	Cao	Cao	Lúa 2 vụ	0	0	0	Lúa 2 vụ (ngắn ngày)
3	Thiếu nước tưới	Không ngập	Trung bình	Thấp	Lúa 2 vụ	2	0	2	Lúa 2 vụ (ngắn ngày)
4	Đủ nước tưới	Không ngập	Trung bình	Thấp	Chuyên màu	1	0	2	Lúa 2 vụ/ Chuyên màu

Ghi chú: - Mức 0: Không thích nghi; Mức 1: Thích nghi cao; Mức 2: Thích nghi trung bình; Mức 3: Thích nghi kém

Thông qua sự am hiểu về điều kiện đất, nước, khí hậu, các kinh nghiệm trong sản xuất các mô hình canh tác của người dân địa phương và những

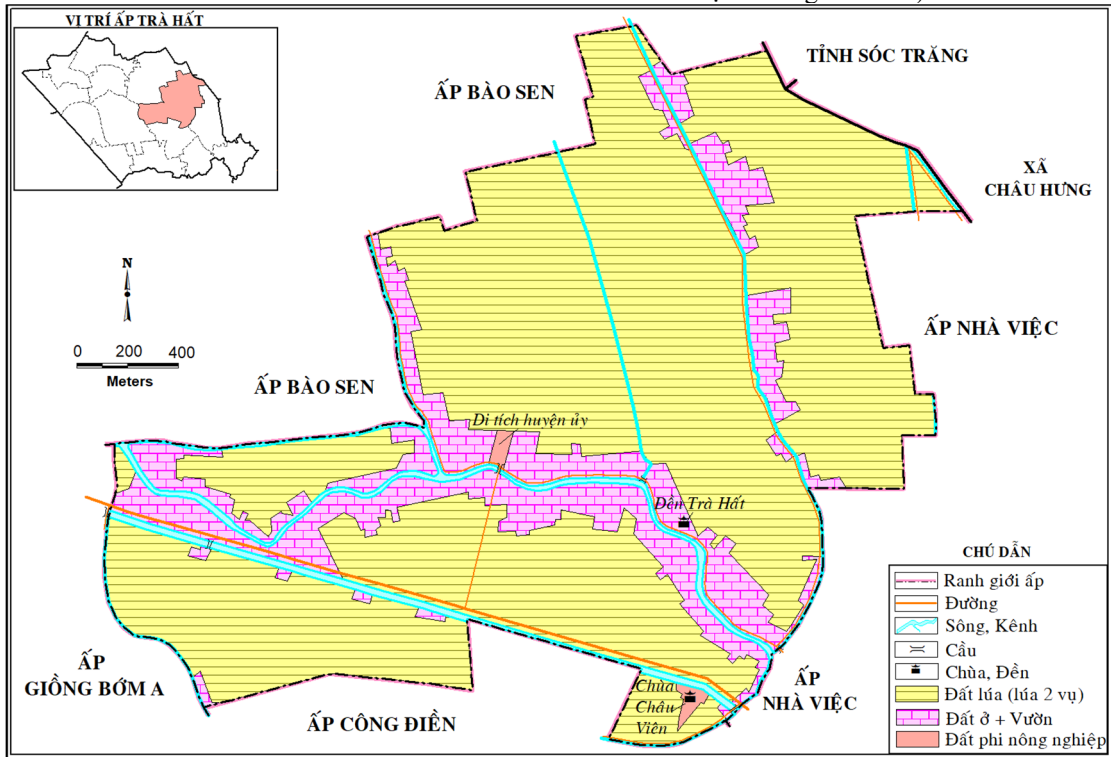
thiệt hại mùa màng trong những 5 năm gần đây cho thấy các yếu tố cực đoan có ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp. Theo người dân,

xâm nhập mặn là một yếu tố quan trọng có ảnh hưởng quyết định đến khả năng sản xuất của các mô hình canh tác. Kết quả Bảng 05 cho thấy khi có hiện tượng cực đoan xảy ra thì người dân vẫn chọn lựa mô hình lúa 02 vụ trong sản xuất kết hợp với các biện pháp kỹ thuật để thích ứng với sự thay đổi.

3.3 Quy hoạch sử dụng đất của địa phương năm 2020 và kết quả định hướng của cộng đồng

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất đai đến năm 2020 của địa phương để thực hiện chiến lược chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp, định hướng

quy hoạch sử dụng đất của huyện Vĩnh Lợi và xã Châu Thới phân bổ cho khu vực ấp Trà Hắt đến năm 2020 là vùng sản xuất chuyên trồng lúa và định hướng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cho toàn ấp Trà Hắt là vùng sản xuất lúa 2 vụ (Hình 4). Từ đó cho thấy, phương hướng quy hoạch sử dụng đất và sản xuất của cấp cao hơn (huyện, xã) phân bổ cho ấp Trà Hắt là vùng sản xuất chuyên canh và độc canh cây lúa nước, không có sự đa dạng hóa sản xuất và cũng không có hình thức luân canh hay xen canh (khác so với hiện trạng sử dụng đất của người dân thì không có diện tích lúa 3 vụ và trồng hoa màu).

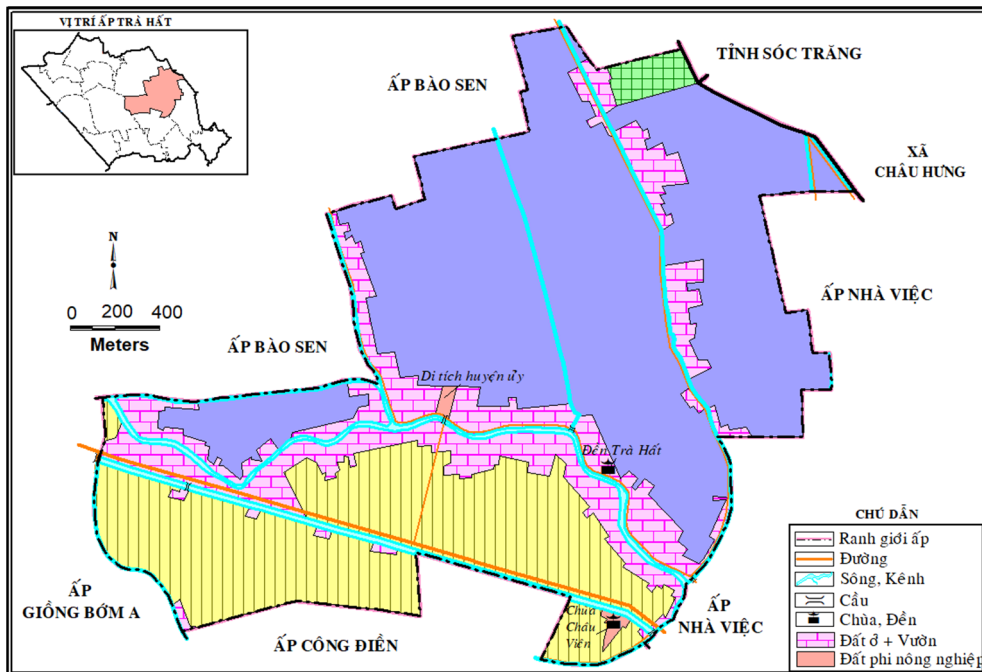


Hình 4: Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của Nhà nước cho ấp Trà Hắt đến 2020

3.4 Đề xuất định hướng sử dụng đất trên cơ sở thích nghi đất đai theo FAO

Đánh giá thích nghi đất đai định tính kết hợp với định lượng được thực hiện thông qua các thông

số chỉ tiêu hạch toán kinh tế của các kiểu sử dụng đất. Kết quả phân vùng thích nghi đất cho các kiểu sử dụng đất được trình bày trên Hình 5.



VÙNG THÍCH NGHI	THÍCH NGHI	TN CAO NHẤT	Kiểu sử dụng (LUT)	DIỆN TÍCH (ha)
1	TN	S1 S2	Lúa 2 vụ, Lúa 3 vụ Lúa 2 vụ + Màu	129,88
	LN	S2	Lúa 2 vụ, Lúa 3 vụ Lúa 2 vụ + Màu	
	B/C	S1 S2	Lúa 2 vụ Lúa 3 vụ, Lúa 2 vụ + Màu	
2	TN	S1 S2	Lúa 2 vụ, Lúa 2 vụ + Màu Chuyên Màu	279,09
	LN	S1 S2	Chuyên Màu Lúa 2 vụ, Lúa 2 vụ + Màu	
	B/C	S1 S2	Lúa 2 vụ, Lúa 2 vụ + Màu Lúa 3 vụ	
3	TN	S2	Lúa 2 vụ, Lúa 2 vụ + Màu, Chuyên Màu	6,2
	LN	S1 S2	Chuyên Màu Lúa 2 vụ + Màu,	
	B/C	S2	Lúa 2 vụ, Lúa 3 vụ Lúa 2 vụ + Màu	

Hình 5: Bản đồ thích nghi đất đai kinh tế kết hợp với tự nhiên ấp Trà Hát

- TN: Tự nhiên; LN: Lợi nhuận; B/C: Hiệu quả đồng vốn; S1 (thích nghi cao), S2 (thích nghi trung bình), S3 (thích nghi kém), N (không thích nghi)

Đề xuất định hướng sử dụng đất

Trên cơ sở kết quả đánh giá thích nghi đất đai, nghiên cứu tiến hành chọn lọc các kiểu sử dụng đất ưu tiên có thích nghi cao để đề xuất định hướng sử dụng đất cho ấp Trà Hát đến năm 2020 (Bảng 6).

Bảng 6: Các mô hình sử dụng đất được đề xuất cho ấp Trà Hát đến năm 2020

Vùng thích nghi	Mô hình ưu tiên (Thích nghi cao)	Mô hình triển vọng (Thích nghi trung bình)
1	LUT1	LUT 2, LUT 4
2	LUT 1, LUT 4	LUT 3
3	LUT 3	LUT 4, LUT 1

Ghi chú: LUT 1: Lúa 2 vụ, LUT 2: Lúa 3 vụ, LUT 3: Chuyên rau màu, LUT 4: Lúa 2 vụ + màu

3.5 So sánh và tương tác các kết quả định hướng quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp áp Trà Hắt đến năm 2020

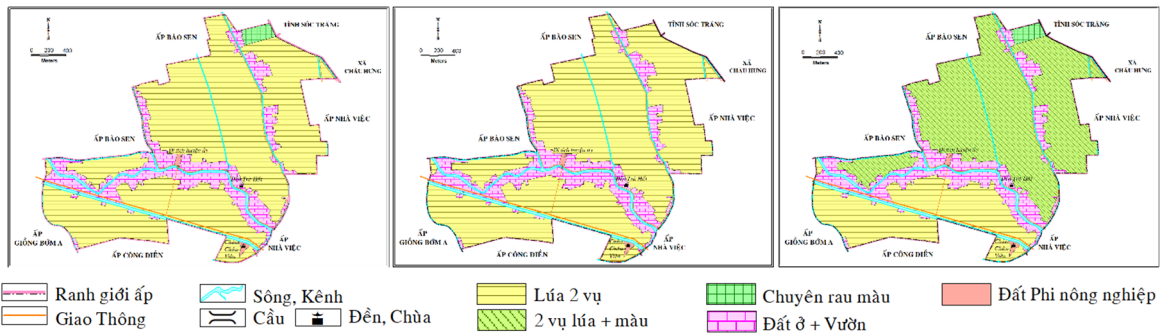
3.5.1 Về quy trình thực hiện và kỹ thuật chuyên môn

Định hướng sử dụng đất của cộng đồng người sử dụng đất dựa trên sự am hiểu về đặc điểm điều kiện tự nhiên và điều kiện sản xuất của mỗi nông hộ. Quan điểm của cộng đồng người sử dụng đất dựa trên tập quán sản xuất, lợi nhuận của mô hình sản xuất, khả năng vốn và lao động. Quy hoạch sử dụng đất của Nhà nước được thực hiện bởi những nhà quản lý chuyên môn về tài nguyên môi trường, quản lý đất đai, phát triển sản xuất nông nghiệp, khuyến nông và thủy lợi. Quan điểm được thực

hiện trên sự tổng hợp các nhu cầu và phân bổ chi tiêu của cấp cao hơn đáp ứng các mục tiêu phát triển của địa phương. Đề xuất hướng sử dụng đất trên cơ sở công cụ khoa học được thực hiện dựa trên chuyên môn về đất, nước, các mô hình sử dụng đất nông nghiệp, thích nghi đất đai và quản lý đất đai. Quan điểm coi trọng khả năng thích nghi đất đai, sự tối ưu hiệu quả sử dụng đất đai, tính bền vững về tự nhiên, kinh tế và xã hội.

3.5.2 Về phương án định hướng sử dụng đất

Kết quả so sánh cho thấy các phương án định hướng sử dụng đất của chủ thể các tiểu vùng ở áp Trà Hắt có sự giống và khác nhau (Hình 6), cụ thể như sau:



a) Quan điểm cộng đồng b) Quan điểm Nhà nước c) Quan điểm Nhà khoa học

Hình 6: Các phương án quy hoạch sử dụng đất của các bên liên quan

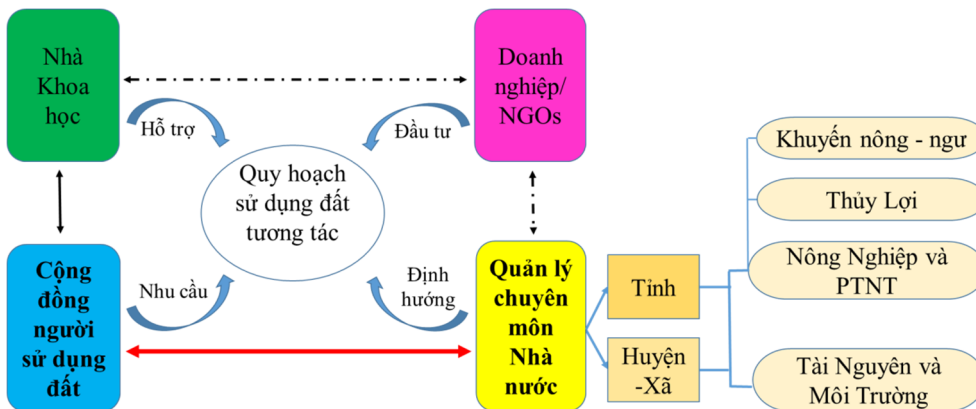
– Vùng 1: Cả 3 phương án giống nhau đều quy hoạch cho vùng 1 là sản xuất lúa 2 vụ với diện tích 65,55 ha.

– Vùng 2: Quy hoạch của Nhà nước và cộng đồng người sử dụng đất có kết quả giống nhau là bố trí lúa 2 vụ, nhưng theo kết quả đánh giá thích nghi theo phương pháp FAO thì đề xuất sản xuất lúa 2 vụ + màu.

– Vùng 3: Đề xuất của công cụ khoa học có cùng kết quả với quan điểm cộng đồng đều sản xuất chuyên màu, trong khi đó quy hoạch Nhà nước vẫn là lúa 2 vụ.

3.5.3 Mối tương tác của các bên liên quan

Thành phần các chủ thể tham gia đóng góp vào quy hoạch sử dụng đất được tổng quát tại Hình 7.



Hình 7: Thành phần chủ thể tham gia vào tiến trình quy hoạch sử dụng đất

Qua Hình 7 thể hiện thành phần có liên quan tham gia vào tiến trình quy hoạch tương tác bao gồm 04 chủ thể chính như sau: (1) Cộng đồng người sử dụng đất (nông hộ); (2) Đại diện cơ quan quản lý Nhà nước về chuyên môn (gọi tắt là chủ

thể Nhà nước); (3) Nhà khoa học (nhà khoa học có chuyên môn về đất và nước; quy hoạch sử dụng đất; nông nghiệp; công cụ hỗ trợ ra quyết định...); (4) Tổ chức phi Chính phủ (NGOs)/Doanh nghiệp.

Bảng 7: Kết quả tương tác giữa các bên liên quan trong định hướng quy hoạch sử dụng đất cho áp Trà Hát đến năm 2020

Nội dung	Đồng thuận	Mâu thuẫn	Giải pháp
Nguồn lực và tiềm năng đất đai	Trà Hát là vùng ngọt hóa, đất đai phù hợp với sản xuất nông nghiệp	- Hạn chế về vốn sản xuất - Chính sách đào tạo nghề gặp nhiều khó khăn	- Tăng cường hỗ trợ vốn - Đa dạng hóa đào tạo nghề, thí điểm hợp tác xã
Tình hình SDD và sản xuất	- Lúa 2 vụ là chủ lực của vùng - Sản xuất lúa 3 vụ gặp nhiều khó khăn	- Chi phí sản xuất cao - Sử dụng thuốc lùn (thuốc sử dụng cho bonsai, cây kiểng để thân cây lùn xuống) chống sập	- Chuyển dịch cơ cấu - Kiểm tra tác động thuốc lùn - Phục tráng giống lúa Tài Nguyên
Định hướng sử dụng đất	- Thống nhất khoanh chia tiểu vùng sản xuất của người dân - Đồng thuận lúa 2 vụ và xuống giống sớm vụ 2	- Không đồng ý biến đổi khí hậu (mặn) có ảnh hưởng đến sử dụng đất của áp - Sạ sớm ở vụ Hè - Thu là không khả thi	- Biến đổi khí hậu đưa ra để tạo sự phản ứng chủ động chuẩn bị cho người dân
Các ảnh hưởng khi thực hiện quy hoạch	- Người dân chưa có việc làm trong thời gian nông nhàn khi chuyển đổi canh tác	- Đề xuất các mô hình mới thì người dân lo ngại rủi ro, thiếu vốn và kỹ thuật, vốn đầu tư cao	- Cải tạo vườn tạp - Hỗ trợ kỹ thuật nông nghiệp thông minh - Thí điểm sản xuất
Về tổ chức thực hiện	- Đánh giá cao sự tham gia và coi trọng sự tương tác, đối chiếu giúp hiểu rõ vấn đề và nhu cầu của các bên	- Nguồn lực về nhân lực, tài lực và thời gian không đảm bảo cho thực hiện tiến trình	- Chỉ thực hiện ở địa phương có điều kiện tương tự.

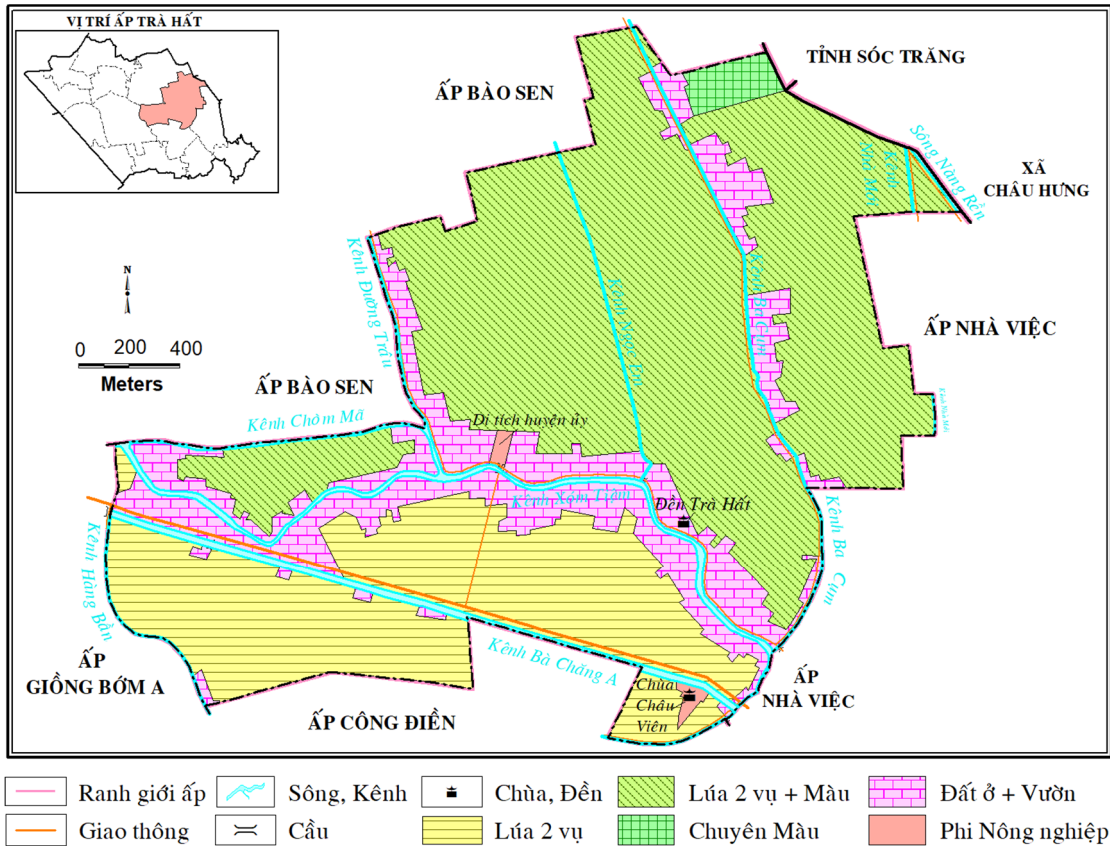
Sau khi đánh giá nguồn lực, tiềm năng phát triển của địa phương và các kế hoạch sử dụng đất của các bên liên quan, tiến hành tổ chức hội thảo đề đối thoại và thảo luận các nội dung liên quan đến định hướng sử dụng đất cho áp Trà Hát. Các vấn đề cần tương tác giữa các bên liên quan được thể hiện trên Bảng 7. Kết quả tương tác đã đi đến một số đồng thuận, xác định được các xung đột nhưng cũng tìm ra các giải pháp để giảm thiểu xung đột đi đến thống nhất. Tiến trình tương tác đã tạo được sự gắn kết của các bên liên quan, giúp cho các bên hiểu thêm về các kế hoạch sử dụng đất và các vấn đề của nhau để đi đến sự thống nhất trong định hướng sử dụng đất. Quy hoạch sử dụng đất dựa trên cộng đồng giúp khám phá ra những tồn tại và biện pháp giá trị riêng để hướng tới hỗ trợ các nguồn lực sinh sống và lợi ích của cộng đồng từ sự phát triển trong tương lai (Minkin *et al.*, 2014). Sự quan tâm và phối hợp của cộng đồng còn giúp hỗ trợ ra quyết định cân bằng sự phát triển của cộng

đồng với chiến lược thích ứng các thảm họa của tự nhiên (bão, biến đổi khí hậu, nước biển dâng và nâng cao sự chuẩn bị cho các khuynh hướng không mong muốn (Frazier *et al.*, 2010; Žiga Malek and Luc Boerboom, 2015).

3.6 Định hướng phương án sử dụng đất cho áp Trà Hát đến năm 2020

Dựa vào kết quả tương tác của các chủ thể và các cơ sở để đề xuất phương án quy hoạch sử dụng đất cho áp Trà Hát, kết quả đề xuất phương án quy hoạch bố trí các kiểu sử dụng đất (Hình 8) như sau:

- Vùng 1: Phương án bố trí kiểu sử dụng lúa 2 vụ cho vùng với diện tích là 129,88 ha;
- Vùng 2: Là vùng được quy hoạch sản xuất lúa 2 vụ + màu với diện tích 279,09 ha;
- Vùng 3: Phương án quy hoạch cho vùng là sản xuất chuyên màu với diện tích 6,2 ha.



Hình 8: Phương án định hướng sử dụng đất cho ấp Trà Hát đến năm 2020

4 KẾT LUẬN

Các công cụ trong tiến trình thực hiện quy hoạch có sự tham gia PLUP hỗ trợ thu thập thông tin đạt hiệu quả cao. Kết quả tương tác giữa các bên đã đi đến một số đồng thuận trong sử dụng đất, đồng thời xác định được các mâu thuẫn về định hướng sử dụng đất, lịch xuống giống, yếu tố đầu vào, đầu ra của mô hình sản xuất, và quan điểm nhận định các rủi ro từ biến đổi khí hậu, chính sách, về tổ chức, phương pháp và cách tiếp cận vấn đề. Các chủ thể đã cùng nhau thỏa hiệp để đi đến sự thống nhất trong lập quy hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và khả thi cao, đáp ứng điều kiện thực tế của địa phương, thỏa mãn các nhu cầu của cộng đồng, yêu cầu sinh thái và mục tiêu phát triển của địa phương. Từ đó, có thể giải quyết các mâu thuẫn và giảm thiểu xung đột về sử dụng đất của cộng đồng với nhà quy hoạch và quản lý cấp cao hơn. Kết quả này làm cơ sở định hướng cho địa phương ra quyết định trong sử dụng đất đạt hiệu quả.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Dự án CCAFS “Quy hoạch sử dụng đất đai có sự tham gia của cộng đồng trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tại ấp Trà Hát, xã Châu Thới,

huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu” đã hỗ trợ thông tin và nguồn tài chính trong quá trình nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bourgoin J, Castella J.C., Pullar D., Lestrelin G., Bouahom B., 2012. Toward a land zoning negotiation support platform: “Tips and tricks” for participatory land use planning in Laos. *Landscape and Urban Planning* 104 (2): 270– 278.

CAEA, 2011. Commune Agro-ecosystem Analysis in Cambodia: A Guidance Manual. A joint publication of the Department of Agriculture Extension, General Directorate of Agriculture, Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries, Phnom Penh, Cambodia and the CGIAR Challenge Program on Water and Food, Colombo, Sri Lanka.

Hoanh C.T., Yen B.T., Trung N.H, 2015. Guidelines: Participatory land use planning at climate-smart villages. CCAFS – SEA.

FAO, 1976. A framework for land evaluation. FAO Soils Bulletin 32. Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO), Rome, Italia.

FAO, 1993. Guidelines for land-use planning. Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO), Rome, Italia.

- Trung, N.H., Hoanh, C.T., Tuong, T.P., Hien N.X., Tri L.Q., Minh V.Q., Nhan D.K., Vu P.T., Tri V.P.D., 2015. Theme 5: Integrated adaptation assessment of Bac Lieu Province and development of adaptation master plan. CLUES project technical report, IRRI.
- Nguyễn Minh Phương, Võ Thị Gương, Lê Văn Khoa, Hubert Verplancke, 2009. Sự nén dẽ của đất canh tác lúa ba vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long và hiệu quả của luân canh trong cải thiện độ bền đoàn lạp. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 11, pp.194–199.
- Võ Thị Gương, Nguyễn Minh Đông và Châu Minh Khôi, 2012. Chất lượng chất hữu cơ và khả năng cung cấp đạm của đất thâm canh lúa 3 vụ và luân canh lúa-màu. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 16b, pp.147–154.
- Vu, P.T., Vu, P.H., Tri, V.P.D. and Trung, N.H., 2015. Agro-ecological dynamics in the coastal areas of the vietnamese Mekong Delta in the context of climate change (A case study in Bac Lieu province). Can Tho University Journal of Science. 1: 81-88.
- Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi, 2010. Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 – 2015) huyện Vĩnh Lợi.
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thới, 2011. Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 – 2015) xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi.
- Quốc hội, 2013. Luật đất đai 2013.